

**TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 31/03/2018

*Hà Nội, Năm 2018*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>972.033.523.208</b>	<b>977.770.465.578</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>13.566.899.430</b>	<b>40.521.647.396</b>
1. Tiền	111		9.139.014.730	36.093.762.696
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.427.884.700	4.427.884.700
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>		
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>484.066.417.784</b>	<b>499.385.212.936</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	307.935.007.821	323.206.318.886
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4</b>	95.206.973.440	95.436.023.753
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		13.800.000.000	13.800.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	<b>V.5</b>	69.689.817.704	69.508.251.478
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.565.381.181)	(2.565.381.181)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>427.545.957.637</b>	<b>406.840.549.101</b>
1. Hàng tồn kho	141		427.545.957.637	406.840.549.101
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>46.854.248.357</b>	<b>31.023.056.145</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.11</b>	15.941.788.989	3.091.195.298
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.633.165.262	27.601.635.669
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>V.15</b>	1.279.294.106	330.225.178
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>959.599.008.457</b>	<b>956.556.691.404</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.117.068.219</b>	<b>13.113.997.756</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	<b>V.3</b>		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	<b>V.4</b>	4.188.928.219	4.185.857.756
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.5</b>	8.928.140.000	8.928.140.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>265.716.305.289</b>	<b>277.992.259.001</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	264.662.255.549	276.849.599.989
- Nguyên giá	222		458.963.173.090	458.963.173.090
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(194.300.917.541)	(182.113.573.101)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.054.049.740	1.142.659.012
- Nguyên giá	228		3.157.129.360	3.157.129.360
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(2.103.079.620)	(2.014.470.348)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.8	<b>3.402.500.449</b>	<b>2.860.023.937</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.402.500.449	2.860.023.937
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>674.121.801.657</b>	<b>659.135.816.758</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		100.936.708.000	100.936.708.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		125.255.121.285	125.255.121.285
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		457.555.653.013	442.569.668.114
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.625.680.641)	(9.625.680.641)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.241.332.843</b>	<b>3.454.593.952</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3.241.332.843	3.454.593.952
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.931.632.531.665</b>	<b>1.934.327.156.982</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

( Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.681.766.395.433</b>	<b>1.673.952.245.586</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.287.494.466.617</b>	<b>1.281.497.158.551</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	176.502.187.367	259.556.043.270
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	492.749.089.320	489.967.279.164
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.482.826.256	4.059.300.056
4. Phải trả người lao động	314		7.790.809.525	12.409.757.765
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	108.270.522.759	113.197.086.734
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.836.248.634	118.602.230
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	72.869.480.512	74.769.821.711
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	420.847.824.064	325.103.089.441
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.145.478.180	2.316.178.180
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>394.271.928.816</b>	<b>392.455.087.035</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.13	126.181.613.300	126.164.771.519
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18		
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	25.074.824.000	25.074.824.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	243.015.491.516	241.215.491.516
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19		
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>249.866.136.232</b>	<b>260.374.911.396</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.20	<b>243.881.328.754</b>	<b>254.390.103.918</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.000.000.000	215.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.664.536.452	29.664.536.452
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

( Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(783.207.698)	9.725.567.466
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(783.207.698)	9.725.567.466
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>5.984.807.478</b>	<b>5.984.807.478</b>
1. Nguồn kinh phí	431		5.984.807.478	5.984.807.478
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.931.632.531.665</b>	<b>1.934.327.156.982</b>

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Lê Quang Hùng*



*Lê Văn An*

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 31/3/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/3/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	51.304.934.832	139.815.520.358
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	12.555.600	121.272.350
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.3	51.292.379.232	139.694.248.008
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	55.052.562.064	139.939.903.373
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(3.760.182.832)	(245.655.365)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	630.649.163	1.472.815.590
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	1.895.179.489	1.691.615.797
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.864.540.685	1.639.396.788
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	635.445.702	2.150.841.058
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	4.869.763.688	9.691.704.963
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(10.529.922.548)	(12.307.001.593)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	92.757.521	161.166.865
12. Chi phí khác	32	VI.9	71.610.137	169.204.505
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		21.147.384	(8.037.640)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(10.508.775.164)	(12.315.039.233)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10		218.661.582
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(10.508.775.164)	(12.533.700.815)

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Quang Hùng



Lê Văn An

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp gián tiếp  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 31/3/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/3/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>(10.508.775.164)</i>	<i>(12.315.039.233)</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>		<i>13.509.845.234</i>	<i>13.084.029.703</i>
- Khấu hao TSCĐ	02	12.275.953.712	11.917.448.505
- Các khoản dự phòng	03	-	1.000.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(17.255.138)	(13.380.913)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(613.394.025)	(1.459.434.677)
- Chi phí lãi vay	06	1.864.540.685	1.639.396.788
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>3.001.070.070</i>	<i>768.990.470</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	12.407.287.539	(84.912.815.212)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.705.408.536)	1.046.952.696
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(83.506.941.334)	74.983.099.474
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.637.332.582)	(8.754.358.403)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.328.581.427)	(614.663.678)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(672.679.124)	(1.790.265.587)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	47.074.295	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(2.067.667.544)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(109.395.511.099)</i>	<i>(21.340.727.784)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(112.087.065)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.985.984.899)	(64.414.025.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.376.336	1.413.130.365
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(15.074.695.628)</i>	<i>(63.000.895.135)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	220.925.985.355	180.566.168.739

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018

(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 31/3/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/3/2017
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(123.381.250.732)	(95.889.016.897)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(46.531.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>97.498.203.623</b>	<b>84.677.151.842</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(26.972.003.104)</b>	<b>335.528.923</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	40.521.647.396	59.108.927.266
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	17.255.138	13.380.913
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>13.566.899.430</b>	<b>59.457.837.102</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2018

Tổng Giám đốc

Lê Quang Hùng



Lê Văn An



# TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là xây lắp và chế tạo cơ khí.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng

#### 5. Cấu trúc Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

*Các công ty con có hình thức sở hữu vốn là công ty TNHH Một thành viên*

Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Mê Kông là công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn, có trụ sở chính tại 117 – 119 Pasteur, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là mua bán, xuất nhập khẩu các loại máy, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ nông lâm ngư nghiệp và thủy lợi; thiết bị văn phòng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

Công ty TNHH Thủy điện Bản Mòng là công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn, có trụ sở chính tại Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại công ty con là 100%.

*Các công ty con có hình thức sở hữu vốn là công ty cổ phần*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Tổ 21 Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	Xây dựng	70,10%	70,10%	70,10%

## TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung	Xã Lương Sơn, Huyện Thường Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92,68%	92,68%	92,68%
Công ty TNHH Điện Sông Mực	Thôn Xuân Lai, Xã Hải Vân, Huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	90%	100%

#### Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Km Số 9, đường Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Cơ điện và xây dựng	46%	46%	46%
Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng 24	Tầng 2, tòa nhà Vinamilk, số 4, đại lộ Lê Nin, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Xây dựng	36,18%	36,18%	36,18%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Số 20 đường Trần Nhật Duật, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định	Xây dựng công trình	27,11%	27,11%	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Phố Vũ, Đại Phúc, Tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh	Xây dựng công trình	29,28%	29,28%	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	24A Nguyễn Cư Trinh, Phường Thuận Hòa, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng công trình	47,2%	47,2%	47,2%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	Km 10, đường Nguyễn Trãi P.Thanh Xuân Bắc, Q.Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Cơ điện	25,58%	25,58%	46,39%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	220 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ khí và xây lắp	28,95%	28,95%	44,45%
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	60 Văn Cao, Phường Văn Miếu, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Xây dựng công trình	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương	Số 55 Trần Nhật Duật, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ điện và xây dựng	40%	40%	40%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Bản Chuông, Xã Lục Hồn, Huyện Bình Liêu, Tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư dự án thủy điện	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Đaksrong	Thị trấn Kong Chro, huyện Kong Chro, tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,57%	38,57%	40,21%

## TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Số nhà 56, ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc	44,77%	44,77%	49,64%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	Km 18 Quốc Lộ 5A, TT Như Quỳnh, Thị trấn Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	Đầu tư dự án khu công nghiệp cơ khí năng lượng	46%	46%	46%
Công ty Cổ phần Agreensteel-VN	Số 6 Nguyễn Công Trứ, P.Phạm Đình Hồ, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	Vận chuyển, buôn bán vật liệu	30%	30%	30%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE	Km 10, quốc lộ 1A, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm thép	50%	50%	50%

#### *Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn Cơ điện và Xây dựng – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện – Xây dựng – CTCP	Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cơ khí điện Thủy lợi – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP	Km 10, Quốc lộ 1Aa, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cơ điện Xây dựng – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP tại Hải Dương	Km 52, Quốc lộ 5A - Phường Cẩm Thượng - Thành phố Hải Dương - Hải Dương
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP	55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Ban QLDA Thủy điện Bản Mòng – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng-CTCP tại Nghệ An	Bản Mòng, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

# **TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc, kể cả Công ty con phụ thuộc (Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Mê Kông). Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc, kể cả Công ty con phụ thuộc, được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

## **TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

## **TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

## **TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

# TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### *Chi phí bảo hiểm*

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

### *Lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp Cổ phần hóa:*

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được phê duyệt. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

## 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	4 - 8

## 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Chương trình phần mềm máy tính:



# **TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 năm.

### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **13. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

## **TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **16. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

## **TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### **17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

#### **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

# TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao là thuế thu nhập hiện hành, là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.310.436.282	1.460.900.605
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.828.578.448	34.632.862.091
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	4.427.884.700	4.427.884.700
<b>Cộng</b>	<b>13.566.899.430</b>	<b>40.521.647.396</b>

### Các khoản đầu tư tài chính

#### 2.1. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng 25 <sup>(i)</sup>	4.203.700.000		4.203.700.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung <sup>(ii)</sup>	81.377.400.000		81.377.400.000	
Công ty TNHH Điện Sông Mực <sup>(iii)</sup>	15.355.608.000		15.355.608.000	
<b>Cộng</b>	<b>100.936.708.000</b>		<b>100.936.708.000</b>	

(i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 420.370 cổ phần, tương đương 70,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng 25, không thay đổi so với số đầu năm.

## TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- (ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 8.137.740 cổ phần, tương đương 92,68% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung, không thay đổi so với số đầu năm.
- (iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã đầu tư 15.355.608.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Điện Sông Mực.

#### 2.2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	11.040.000.000		11.040.000.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.439.680.000		2.439.680.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	3.713.680.000		3.713.680.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	7.079.880.000		7.079.880.000	
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	9.357.100.000		9.357.100.000	
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	6.667.000.000		6.667.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương	2.600.000.000		2.600.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	1.796.036.596		1.796.036.596	
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	14.892.300.000		14.892.300.000	
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	7.508.253.216		7.508.253.216	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	7.236.191.473	(5.463.120.641)	7.236.191.473	(5.463.120.641)
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Công ty Cổ phần Đaksrong	27.000.000.000		27.000.000.000	
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	1.200.000.000		1.200.000.000	
Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE	22.125.000.000		22.125.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>125.255.121.285</b>	<b>(6.063.120.641)</b>	<b>125.255.121.285</b>	<b>(6.063.120.641)</b>

#### 2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	1.723.110.000	(513.910.000)	1.723.110.000	(513.910.000)
Công ty Agromas – Việt Nam	3.048.650.000	(3.048.650.000)	3.048.650.000	(3.048.650.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Công trình Miền Trung	5.000.000.000		5.000.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng P&C ( Vinaconex )	29.691.280.000		29.691.280.000	-
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam	4.665.700.000		4.665.700.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng và HTLĐ	384.317.176		384.317.176	-
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Quảng Nam	183.542.595.837		168.556.610.938	
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Nghệ Tĩnh	229.500.000.000		229.500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>457.555.653.013</b>	<b>(3.562.560.000)</b>	<b>442.569.668.114</b>	<b>(3.562.560.000)</b>

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(9.625.680.641)	(3.048.650.000)
Trích lập dự phòng bổ sung		(6.577.030.641)
<b>Số cuối năm</b>	<b>(9.625.680.641)</b>	<b>(9.625.680.641)</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>668.910.747</b>	<b>1.310.513.865</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển điện Bắc Miền Trung	464.000	464.000
Công ty TNHH Điện Sông Mực	144.938.437	227.764.995
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	83.078.436	83.078.436
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000	281.469.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	15.790.919	573.663.433
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	1.800.000	112.767.200
Công ty Cổ phần Thủy điện Đaksrong	112.767.200	1.800.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	28.602.755	28.602.755
Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE		904.046
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>307.266.097.074</b>	<b>321.895.805.021</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	5.026.272.582	5.026.272.582
Ban quản lý Dự án Thủy điện 7	5.406.061.755	5.406.061.755
Ban quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 2	26.335.212.667	25.992.714.667
Power Machines	209.186.579.802	218.805.329.817
Các khách hàng khác	61.311.970.268	66.665.426.200
<b>Cộng</b>	<b>307.935.007.821</b>	<b>323.206.318.886</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn****3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<b>27.737.352.020</b>	<b>28.055.253.968</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	13.429.176.774	13.747.078.722

**TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	13.679.420.324	13.679.420.324
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	285.503.822	285.503.822
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây lắp 276	343.251.100	343.251.100
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam		
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>67.469.621.420</b>	<b>67.380.769.785</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Sản phẩm công nghiệp Quốc tế	17.159.292.930	17.159.292.930
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Balkan	15.510.923.371	15.979.750.608
Các nhà cung cấp khác	34.799.405.119	34.241.726.247
<b>Cộng</b>	<b>95.206.973.440</b>	<b>95.436.023.753</b>

**3b. Trả trước cho người bán dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>4.185.857.756</b>	<b>4.185.857.756</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	4.070.016.938	4.070.016.938
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	115.840.818	115.840.818
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>	<b>3.070.463</b>	
<b>Cộng</b>	<b>4.188.928.219</b>	<b>4.185.857.756</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là khoản Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh vay theo Hợp đồng vay vốn số 03/TCT-TCKT ngày 13/3/2017, số tiền 13.800.0000.000 VND, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, mục đích cho vay là để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>31.879.034.288</b>	<b>(282.008.676)</b>	<b>37.251.990.599</b>	<b>(282.008.676)</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	454.782.174		454.782.174	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc miền Trung			6.829.519.325	
Công ty TNHH Điện Sông Mực	2.897.999.977		2.895.889.337	
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	3.290.314		87.102.206	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	19.807.961.865		19.807.961.865	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	25.511.699		790.613.576	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	218.827.111		218.827.111	
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	6.190.637.591		4.140.317.591	
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	103.476.450		503.476.450	

**TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	74.640.000		74.640.000	
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng 18	280.738.987		280.738.987	
Công ty Tư vấn Cơ điện Xây dựng Đông Dương	216.578.807		216.578.807	
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	26.018.752		26.018.752	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đaksrong				
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	295.965.481	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh	1.282.605.080		643.192.283	
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam			323.459	
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>37.810.783.416</b>	<b>(935.446.229)</b>	<b>32.256.260.879</b>	<b>(935.446.229)</b>
Tạm ứng	14.385.723.881	(624.530.177)	13.893.481.179	(624.530.177)
Ký cược, ký quỹ	1.516.641.483		1.514.732.391	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.908.418.052	(310.916.052)	16.848.047.309	(310.916.052)
<b>Cộng</b>	<b>69.689.817.704</b>	<b>(1.217.454.905)</b>	<b>69.508.251.478</b>	<b>(1.217.454.905)</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mòng <sup>(i)</sup>	8.605.700.000	8.605.700.000
Ký cược, ký quỹ khác	322.440.000	322.440.000
<b>Cộng</b>	<b>8.928.140.000</b>	<b>8.928.140.000</b>

<sup>(i)</sup> Là khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mòng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An theo thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 141/TT-SKHĐT ngày 10 tháng 11 năm 2017.

**6. Nợ xấu**

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>	<b>589.496.428</b>		<b>589.496.428</b>	
Công ty CP KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	282.008.676		282.008.676	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000		281.469.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	26.018.752		26.018.752	



**TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>2.057.479.453</b>	<b>81.594.700</b>	<b>2.057.479.453</b>	<b>81.594.700</b>
Công ty Lắp máy Điện nước	210.000.000		210.000.000	
Sở Nông nghiệp tỉnh Hòa Bình - Lào	220.171.590		220.171.590	
Ban Quản lý Dự án Xây dựng huyện Kim Sơn	158.068.000		158.068.000	
Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai	266.677.400	81.594.700	266.677.400	81.594.700
Xưởng Cơ khí Năm Râu - TR Công Nam	16.559.500		16.559.500	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.186.002.963		1.186.002.963	
<b>Cộng</b>	<b>2.646.975.881</b>	<b>81.594.700</b>	<b>2.646.975.881</b>	<b>81.594.700</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	2.565.381.181	1.552.217.000
Trích lập dự phòng bổ sung		1.075.073.326
Hoàn nhập dự phòng		(61.909.145)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.565.381.181</b>	<b>2.565.381.181</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	192.179.029		178.339.053	
Nguyên liệu, vật liệu	105.180.872.823		95.210.371.704	
Công cụ, dụng cụ	384.452.954		479.789.396	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	183.597.207.383		165.203.978.462	
Thành phẩm	2.321.646.031		2.321.646.031	
Hàng hóa	135.869.599.417		143.446.424.455	
<b>Cộng</b>	<b>427.545.957.637</b>		<b>406.840.549.101</b>	

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	107.946.364	16.824.000
Chi phí bảo hiểm	97.657.062	172.932.730
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	15.736.185.563	2.901.438.568
<b>Cộng</b>	<b>15.941.788.989</b>	<b>3.091.195.298</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	466.330.329	404.547.873

**TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hóa	2.171.044.480	2.277.467.923
Các chi phí trả trước dài hạn khác	603.958.034	772.578.156
<b>Cộng</b>	<b><u>3.241.332.843</u></b>	<b><u>3.454.593.952</u></b>

## TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	63.484.483.083	164.819.356.008	229.762.619.967	431.129.419	465.584.613	458.963.173.090
Mua trong kỳ	0	0	0	0	0	0
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>63.484.483.083</b>	<b>164.819.356.008</b>	<b>229.762.619.967</b>	<b>431.129.419</b>	<b>465.584.613</b>	<b>458.963.173.090</b>
<i>Trong đó:</i>						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	48.773.177.105	68.354.949.104	64.172.292.372	384.887.951	428.266.569	182.113.573.101
Khấu hao trong kỳ	1.022.179.970	5.547.906.583	5.589.849.899	21.312.186	6.095.802	12.187.344.440
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>49.795.357.075</b>	<b>73.356.203.030</b>	<b>69.808.234.909</b>	<b>906.760.156</b>	<b>434.362.371</b>	<b>194.300.917.541</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	14.711.269.888	96.485.582.117	165.544.234.957	71.194.983	37.318.044	276.849.599.989
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13.689.089.918</b>	<b>90.937.675.534</b>	<b>159.954.385.058</b>	<b>49.882.797</b>	<b>31.222.242</b>	<b>264.662.255.549</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	3.157.129.360	2.014.470.348	1.142.659.012
Mua trong kỳ	0		
Khấu hao trong kỳ		88.609.272	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.157.129.360</b>	<b>2.103.079.620</b>	<b>1.054.049.740</b>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	129.892.400		129.892.400
<i>Tài sản phục vụ Công trình vietinbank</i>	<i>129.892.400</i>		<i>129.892.400</i>
Xây dựng cơ bản dở dang	2.730.131.537	542.476.512	3.272.608.049
<i>Nhà phun sơn di động</i>	<i>666.940.980</i>	<i>6.481.187</i>	<i>673.422.167</i>
<i>Cầu trục 32 Tấn</i>	<i>590.924.836</i>		<i>590.924.836</i>
<i>Máy phun bi</i>	<i>1.145.886.994</i>		<i>1.145.886.994</i>
<i>Công trình Bàn Mông</i>	<i>326.378.727</i>	<i>535.995.325</i>	<i>862.374.052</i>
<b>Cộng</b>	<b>2.860.023.937</b>	<b>542.476.512</b>	<b>3.402.500.449</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>40.067.573.235</b>	<b>65.982.410.839</b>
Công ty Cổ Phần Xây dựng 25	12.920.575.514	12.920.575.514
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	4.502.142.172	17.058.479.126
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.551.076.904	1.551.076.904
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.909.244.613	2.826.790.763
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	8.903.492.565	11.903.792.565
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	1.587.327.847	2.587.427.847
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	3.362.418.000	3.362.418.000
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	292.429.736	292.429.736
Công ty Cổ phần Agreensteel – Việt Nam	4.038.865.884	13.479.420.384
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>136.434.614.132</b>	<b>193.573.632.431</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	28.535.182.180	48.219.187.416
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Balkan	6.752.079.043	8.745.882.747
John Deere Asia Singapore Pte Ltd	4.143.957.199	23.791.927.365
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển năng lượng xanh	4.398.114.314	4.398.114.314
Andritz Group	181.880.000	181.880.000
Các nhà cung cấp khác	92.423.401.396	108.236.640.589
<b>Cộng</b>	<b>176.502.187.367</b>	<b>259.556.043.270</b>

**12b. Phải trả người bán dài hạn**

**TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCĐ**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>55.945.681.866</b>	<b>55.945.681.866</b>
Công ty Cổ Phần Xây dựng 25	6.557.423.859	6.557.423.859
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	11.616.612.028	11.616.612.028
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	17.889.432.274	17.889.432.274
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	4.737.777.024	4.737.777.024
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	12.863.300.378	12.863.300.378
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	2.281.136.303	2.281.136.303
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>70.235.931.434</b>	<b>70.219.089.653</b>
Công ty Cổ phần Agromas	3.565.932.467	3.565.932.467
Công ty Cổ phần Tư vấn và XDCT Miền Trung	3.847.480.960	3.847.480.960
Các nhà cung cấp khác	62.822.518.007	62.805.676.226
<b>Cộng</b>	<b>126.181.613.300</b>	<b>126.164.771.519</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước của các bên liên quan</i></b>	<b>53.017.895.721</b>	<b>51.017.895.721</b>
Công ty TNHH Điện Sông Mực	5.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	47.905.157.500	47.905.157.500
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh	5.107.738.221	3.107.738.221
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>	<b>439.731.193.599</b>	<b>438.949.383.443</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	414.435.520.674	429.065.937.146
Các khách hàng khác	25.295.672.925	9.883.446.297
<b>Cộng</b>	<b>492.749.089.320</b>	<b>489.967.279.164</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>			<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	210.696.941	5.806.818	342.097.195	319.723.613		218.498.252	5.806.818
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		14.572.271					
Thuế xuất, nhập khẩu		109.701.829	226.767.862	356.363.658			239.297.625
Thuế thu nhập doanh nghiệp	132.313.971	189.713.743		879.231.775		2.939.720	939.571.267
Thuế thu nhập cá nhân	563.619.203	10.430.517	53.825.693	671.201.201		28.250.393	94.618.396
Tiền thuế đất	822.070.531		80.467.950			902.538.481	
Thuế bảo vệ môi trường							
Các loại thuế khác	1.000.000		6.000.000	6.000.000		1.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.329.599.410					2.329.599.410	
<b>Cộng</b>	<b>4.059.300.056</b>	<b>330.225.178</b>	<b>709.158.700</b>	<b>2.232.520.247</b>		<b>3.482.826.256</b>	<b>1.279.294.106</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	14.131.116.312	10.978.971.522
Trích trước chi phí công trình	92.648.672.199	101.490.204.954
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.490.734.248	727.910.258
<b>Cộng</b>	<b><u>108.270.522.759</u></b>	<b><u>113.197.086.734</u></b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>2.836.248.634</b>	<b>118.602.230</b>
Cho thuê văn phòng	2.836.248.634	118.602.230
<b>Cộng</b>	<b><u>2.836.248.634</u></b>	<b><u>118.602.230</u></b>

**17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>11.854.407.167</b>	<b>11.811.298.833</b>
Phải trả thù lao HĐQT, BKS	346.108.334	303.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	3.677.708.232	3.677.708.232
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	4.994.740.892	4.994.740.892
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	2.835.849.709	2.835.849.709
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>61.015.073.345</b>	<b>62.958.522.878</b>
Kinh phí công đoàn	547.712.604	454.701.344
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.819.417.575	1.384.705.943
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.811.563.945	6.860.443.945
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	51.836.379.221	54.258.671.646
<b>Cộng</b>	<b><u>72.869.480.512</u></b>	<b><u>74.769.821.711</u></b>

**17b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>25.074.824.000</b>	<b>25.074.824.000</b>
Phải trả các cá nhân góp vốn tại công ty liên kết	22.692.710.000	22.692.710.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp 276	2.324.000.000	2.324.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.461.810.000	1.461.810.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrông	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty TNHH Điện Sông mực, Thủy điện Bản Mông	13.610.000.000	13.610.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	4.196.900.000	4.196.900.000
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.332.114.000	2.332.114.000
<b>Cộng</b>	<b><u>25.074.824.000</u></b>	<b><u>25.074.824.000</u></b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****18. Vay ngắn hạn/dài hạn****18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>107.700.000.000</b>	
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	16.800.000.000	
Công ty Cổ phần Đaksrông	50.000.000.000	
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	40.000.000.000	
Công ty TNHH Điện Sông Mực	900.000.000	
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>308.207.110.064</b>	<b>289.954.375.441</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Hồng Bàng <sup>(i)</sup>	4.491.135.823	27.393.032.017
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 1 <sup>(ii)</sup>	293.310.793.251	251.296.712.434
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương <sup>(iii)</sup>	9.264.630.990	11.264.630.990
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 3	1.140.550.000	
<b>Vay ngắn hạn các cá nhân</b>	<b>4.940.714.000</b>	<b>4.916.314.000</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</b>		<b>30.232.400.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>420.847.824.064</b>	<b>325.103.089.441</b>

**18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn bên liên quan</b>	<b>90.597.354.447</b>	<b>88.797.354.447</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đaksrông	10.400.000.000	10.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung	14.400.000.000	12.600.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH điện Sông Mực	7.797.354.447	7.797.354.447
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>75.581.262.069</b>	<b>75.581.262.069</b>
<b>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>76.836.875.000</b>	<b>76.836.875.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>243.015.491.516</b>	<b>241.215.491.516</b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Tổng Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.316.178.180	1.231.717.248
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		681.420.932
Tăng khác		954.240.000
Chi quỹ	(170.700.000)	(551.200.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.145.478.180</b>	<b>2.316.178.180</b>

## TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## 20. Vốn chủ sở hữu

### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	215.000.000.000	29.617.538.747	13.628.418.637	255.966.064.534
Lợi nhuận trong năm trước			9.725.567.466	
Tăng khác				
Trích lập các quỹ		46.997.705	(728.418.637)	
Chia cổ tức, lợi nhuận			(12.900.000.000)	
Giảm khác				
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>215.000.000.000</b>	<b>29.664.536.452</b>	<b>9.725.567.466</b>	<b>254.390.103.918</b>
Số dư đầu năm nay	215.000.000.000	29.664.536.452	9.725.567.466	254.390.103.918
Lợi nhuận trong năm			(10.508.775.164)	(10.508.775.164)
Trích lập các quỹ				
Chia cổ tức, lợi nhuận				
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>215.000.000.000</b>	<b>29.664.536.452</b>	<b>(783.207.698)</b>	<b>243.881.328.754</b>

### 20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## 21. Nguồn kinh phí

	Kỳ này
Số đầu năm	5.984.807.478
Chi sự nghiệp	
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.984.807.478</b>

## 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### 22a. Tài sản nhận giữ hộ

Là vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của Ban Quản lý Thủy lợi 3 của Bộ Nông Nghiệp phục vụ dự án Vân Đình có giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là 2.406.621.066 VND

#### Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	62.563,23	32.518,09
Euro (EUR)	12.691,23	12.723,77



## TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### Tổng doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu hợp đồng cơ khí	28.580.748.859	33.131.761.533
Doanh thu bán hàng hóa	16.546.614.008	101.989.809.033
Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.694.257.612	4.047.382.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	483.314.353	646.567.065
<b>Cộng</b>	<b><u>51.304.934.832</u></b>	<b><u>139.815.520.358</u></b>

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại.

#### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn hợp đồng cơ khí	35.602.747.902	44.850.606.002
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.542.770.932	90.778.984.187
Giá vốn hợp đồng xây dựng	5.723.126.113	3.925.961.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	183.917.117	384.351.939
<b>Cộng</b>	<b><u>55.052.562.064</u></b>	<b><u>139.939.903.373</u></b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	613.394.025	205.050.365
Cổ tức, lợi nhuận được chia		1.251.384.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.255.138	3.000.312
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.380.913
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>630.649.163</u></b>	<b><u>1.472.815.590</u></b>

#### 5. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	1.864.540.685	1.639.396.788
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Chi phí tài chính khác	30.638.804	52.219.009
<b>Cộng</b>	<b><u>1.895.179.489</u></b>	<b><u>1.691.615.797</u></b>

#### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì		18.810.000
Chi phí bảo hành	8.795.433	796.988.957

**TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.059.159	301.130.216
Các chi phí khác	196.591.110	1.033.911.885
<b>Cộng</b>	<b>635.445.702</b>	<b>2.150.841.058</b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí cho nhân viên	1.056.362.349	2.408.701.086
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	95.309.928	1.292.651.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	386.440.608	306.740.757
Thuế, phí và lệ phí	90.555.950	80.723.250
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi		131.747.220
Chi phí cơ sở hạ tầng	1.704.850.891	
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	238.680.314	2.918.654.910
Các chi phí khác	1.297.563.648	2.552.486.667
<b>Cộng</b>	<b>4.869.763.688</b>	<b>9.691.704.963</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Thu thanh lý công cụ, dụng cụ		
Thu tiền bảo hành, demo, hội nghị TTC	60.264.838	
Thu nhập khác	32.492.683	161.166.865
<b>Cộng</b>	<b>92.757.521</b>	<b>161.166.865</b>
<b>9. Chi phí khác</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Thuế bị phạt, bị truy thu		
Lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm	29.646.246	
Chi phí khác	41.963.891	169.204.505
<b>Cộng</b>	<b>71.610.137</b>	<b>169.204.505</b>

Lập, ngày 12 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu



Lê Quang Hưng  
Kế toán trưởng



Lê Văn An  
Tổng Giám đốc